TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** Bản án số: 66/2026/DS-ST Ngày 15 tháng 5 năm 2026 *V/v "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bạo và bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 436/2025/TLST-DS ngày 28/10/2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-DS ngày 01/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2026/QĐST-DS ngày 17/4/2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: số A đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Anh T, sinh năm: 1980 và bà Dương Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1979; Địa chỉ: số B đường T, phường A, TP Đà Nẵng; Nơi cư trú: K B, tổ C, phường T, TP .. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà H có cho vợ chồng ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để xử lý việc ngân hàng, hai bên thỏa thuận vay với lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay là 30 ngày tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/01/2024, sau đó ông T bà N có thỏa thuận đến ngày 29/12/2023 trả cho bà H số tiền lãi 18.000.000 đồng, nhưng vẫn không trả. Mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ, thậm chí khi khởi kiện tại Tòa án, bà H cũng thông báo cho ông T và yêu cầu ông T bà N trả tiền nhưng vẫn không trả.

Do ông T bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà H theo "Giấy mượn tiền" ngày 13/12/2023 nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 156.750.000 đồng. Cụ thể lãi suất tính như sau từ ngày 01/12/2023 đến ngày 1/1/2024 là 18.000.000 đồng theo thoả thuận, tiếp tục tính lãi từ ngày 2/1/2024 tạm tính đến ngày 2/1/2025 là: 500.000.000 đ x1,65%/tháng x 19 tháng = 156.750.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 656.750.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông T bà N thanh toán số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền do ông T bà N viết vào ngày 13/12/2023.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Đỗ Anh T, bà Dương Ngọc Quỳnh N đến Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T bà N không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T, bà N cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi 156.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N có nơi cư trú tại phường T nên Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án: Theo bản gốc "Giấy mượn tiền" ngày 13 tháng 12 năm 2023 do bà Nguyễn Thị H giao nộp cho Tòa án thể hiện bà Dương Ngọc Quỳnh N và ông Đỗ Anh T đã viết Giấy vay tiền và ký vào bên vay tiền, số tiền ông T bà N vay của bà H là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 30 ngày tính từ ngày 01/12/2023, mục đích vay nhập tôn xử lý việc ngân hàng. Sau đó ông Đỗ Anh T có viết Giấy cam kết hẹn đến ngày 29/12/2023 trả cho bà H số tiền 18.000.000 đồng tiễn lãi. Tuy nhiên, theo bà H từ khi viết Giấy mượn tiền và viết giấy cam kết đến nay ông T bà N không trả cho bà H số tiền gốc và lãi nào hết. Nên bà H khởi kiện. Nay bà H chỉ yêu cầu bị đơn ông T bà N thanh toán số tiền nợ 500.000.0000 đồng tiền nợ gốc, bà không yêu cầu tính tiền lãi. Đối với bị đơn, tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng cũng đã nhiều lần tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho các bên đương sự thương lượng về các khoản nợ cũng như phương án trả nợ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, việc bị đơn không thanh toán tiền vay cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn bà H khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà: Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu ông T bà N thanh toán số tiền lãi là 156.750.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu ông T bà N trả trả tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Việc nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền lãi với số tiền 156.750.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 24.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu số tiền lãi 156.750.000 đồng của bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Anh T và bà Dương Ngọc Quỳnh N phải chịu là 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng).

H1 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.135.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004605 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV3-ĐN;
- THADS TP;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**